目から鱗！これがニッポンの当たり前？

Đó là điều đương nhiên ở Nhật?

日本人は並ぶことが大好き？？

Người Nhật rất thích xếp hàng??

皆さんは普段、駅で電車を待つ時にどのようにして待っていますか？日本と皆さんの母国では電車の待ち方にどんな違いがあるでしょうか？日本では電車の停車位置に合わせて並んで待つ人の姿をよく見ると思います。駅以外でも、人気のレストランで人が列に並んでお店に入るのを待っていますよね。そして列に並ぶ時は、最後尾に行き順番を守って待つことも日本ならではの光景でしょう。今回は「並ぶ」ことについて日本の当たり前を紹介します。

Các bạn đợi tàu ở ga thường đợi như thế nào? Về việc đợi tàu giữa Nhật và nước các bạn thì khác nhau như thế nào? Ở Nhật, chắc các bạn thường thấy người xếp hàng đợi ở đúng vị trí tàu dừng. Không chỉ ở ga tàu, mà ở những nhà hàng nổi tiếng cũng có nhiều người xếp hàng đợi vào nữa nhỉ. Và khi xếp hàng, việc luôn nghiêm túc đứng đúng thứ tự xếp từ phía sau cũng là hình ảnh rất điển hình của Nhật. Lần này xin được giới thiệu với các bạn về “xếp hàng” một điều hiển nhiên ở Nhật.

日本人にとって並ぶことは日常生活の一部

日本人は決して並ぶことが好きなわけではなく、並ばなくてよいなら並ばないという考えを持っています。しかし子どもの頃から「順番を守ること」や「自分より長く待っている人の気持ちを考えて待つこと」の大切さを学びます。この考え方が大人になっても自然と身についているため、日本人は特に意識することなく日常的に列に並びます。いつでもどこでも並んで待つ姿は、世界から見ると珍しい姿かもしれませんね。

Đối với người Nhật việc xếp hàng là một phần trong đời sống hàng ngày

Người Nhật tuyệt đối không phải là người thích xếp hàng, cũng có suy nghĩ là nếu không xếp hàng cũng được thì họ không xếp. Tuy nhiên, từ khi còn bé người Nhật luôn được học rằng “phải theo thứ tự” và “hãy suy nghĩ về người phải đứng đợi lâu hơn mình mà xếp hàng đợi”. Suy nghĩ này cho đến khi lớn trưởng thành, nó thành thói quen tự nhiên, do vậy người Nhật không ý thức về điều đó mà coi việc xếp hàng như là một phần trong cuộc sống hàng ngày. Có thể thế giới nhìn hình ảnh xếp hàng chờ đợi khi nào cũng vậy và ở đâu cũng vậy của Nhật là điều kỳ lạ.

「きちんと並ぶ」ことの意味

日本人はただ列に並ぶことだけではなく、順番を守って列に並ぶことも大切にしています。例えば駅で並んでいるとき、自分より後に来た人が自分より先に電車に乗ろうと列に割り込んできたら、みなさんはどう思うでしょうか。あまり気分が良くないと思います。みなさんも列に並ぶときは、前で並んでいる人の気持ちを考えて、列の一番後ろに並びましょう。「この人は並んでいるのかな？」と思ったときは、誤解やその後の混乱を防ぐために「すみません、並んでいらっしゃいますか？」と聞いてみましょう。同じタイミングで列に到着したときは、相手に「お先にどうぞ」と譲ると親切です。

Ý nghĩa của việc “nghiêm túc xếp hàng”

Người Nhật không chỉ đơn thuần là đứng xếp hàng mà việc tuân thủ thứ tự xếp hàng cũng được coi rất quan trọng. Ví dụ khi xếp hàng ở ga, nếu người đến sau mình mà họ lại cắt ngang hàng để lên tàu trước thì các bạn nghĩ sao? Chắc lúc đó sẽ không thấy dễ chịu gì. Các bạn cũng vậy khi xếp hàng hãy suy nghĩ đến người đứng đợi trước mình và xếp sau họ nhé. Khi nghĩ rằng “Người này có xếp hàng không nhỉ?” thì để tránh hiểu nhầm và tránh việc rắc rối sau đó, thì bạn có thể hỏi “xin lỗi, anh/chị có đang xếp hàng không ạ?”. Khi cùng đến nơi xếp hàng một lúc thì lịch sự nhường “xin mời anh / chị xếp trước” nhé.

列を作らずに待つ時は？

待つ場所によっては、列を作らず椅子に座って待つ時もありますよね。そのときも順番を守りながら譲り合って待ちます。待つ人が多い場合は、お年寄りや身体の不自由な方に譲るか、長く待っている人が優先して座れるようにします。空いている席に座る時は、周りに椅子を必要としている人がいないかを確認してから座るようにしましょう。

Khi đợi mà không có hàng xếp?

Tuỳ theo nơi đợi mà có thể không xếp hàng nhưng có ghế để ngồi đợi nhỉ. Khi đó mình cũng hãy tuân thủ theo thứ tự và lịch sự nhường người khác nhé. Khi đông người đợi thì cũng nên nhường người già hay người khuyết tật, và nhường cho người đợi lâu được ngồi. Khi ngồi vào ghế trống thì nếu được hãy nhìn quanh xem có ai cần ngồi ghế không rồi mình ngồi nhé.

日本人が大切にする「協調性」と「譲り合い」

普段から列にきちんと並ぶことが当たり前な日本人ですが、この当たり前の背景には「協調性」と「譲り合い」の考え方があると言われています。

Người Nhật rất coi trọng “tính hoà hợp” và “tính nhường nhịn”

Thông thường việc nghiêm túc xếp hàng là điều đương nhiên với người Nhật, nhưng có thể nói hình ảnh đương nhiên đó xuất phát từ “tính hoà hợp” và “tính nhường nhịn”.

「協調性」とは、

様々な価値観や考えを持つ人々と互いに助け合い、一緒に同じ目標に向かって行動する性質のことです。日本人はその場にいる誰かが得をするのではなく、その場にいる全員にとって得になるように行動します。

“Tính hoà hợp”

là việc cùng giúp đỡ lẫn nhau dù mỗi người có suy nghĩ và quan điểm sống khác nhau để hành động cùng hướng về một mục tiêu. Người Nhật không làm gì có lợi cho những ai có tại đó mà hành động để tất cả mọi người đều cùng có lợi.

「譲り合い」とは、

互いに気持ちよくなるようにする気遣いのことです。譲り合いの気持ちを持つことで、不要な争いを避けることができます。不要な争いを避けるためにも、譲り合いの気持ちを持って、列にきちんと並ぶことが大事です。

“Tính nhường nhịn”

là việc chú ý quan tâm để ai cũng có tâm trạng dễ chịu. Từ việc có tấm lòng nhường nhịn mà tránh đi được những tranh chấp không cần thiết. Để tránh những tranh chấp không cần thiết đó thì có tấm lòng nhường nhịn và việc nghiêm túc xếp hàng rất quan trọng.

2つの考え方は列に並ぶときだけではなく、私生活・仕事の両方でとても大事になる考え方です。皆さんも、毎日周りの人の気持ちを考えながら生活してみてください。

まずは列の並び方から意識して始めてみましょう。

Hai suy nghĩ này không chỉ đối với việc xếp hàng mà còn là suy nghĩ quan trọng cho cả công việc và đời sống cá nhân.

Các bạn cũng vậy, hàng ngày hãy sống và suy nghĩ cho người xung quanh mình nhé.

Trước hết, hãy để ý từ cách xếp hàng nhé.

未来へつなげる大切なヒント

Gợi ý quan trọng dẫn tới tương lai.

住民税ってなに？

Thuế thị dân là gì?

皆さんは日本で払っている「税金」にはどのようなものがあるか知っていますか？日本の税金は、普段の買い物で納めているものや毎月の給料から引かれるものなど様々です。毎月の給料から税金が引かれているのはなぜなのか、疑問に思う方もいるかもしれません。今回は、毎月の給料から引かれる税金の一つである「住民税」を紹介します。税金を納める大切さを学んでいきましょう。

Các bạn có biết ở Nhật có những loại “thuế” nào không? Thuế ở Nhật có nhiều loại như thuế trả khi mua hàng thông thường hay loại trừ từ lương hàng tháng. Cũng có thể có bạn không hiểu vì sao lương hàng tháng lại bị trừ thuế. Lần này chúng tôi xin giới thiệu về “thuế thị dân” là một loại thuế trừ đi từ lương hàng tháng. Chúng ta cùng học để biết tầm quan trọng của việc đóng thuế nhé.

住民税とは？

住民税は自分が住んでいるところに納める地方税の一つです。自分が住んでいるところとは「１月１日の時点で住民票を登録している市区町村」という意味です。住民税は前年の所得を基に今年納めるべき金額が決まるため、前年に所得があって１月１日に住民票の登録があれば国籍にかかわらず納税する義務があります。ただし、前年の収入金額が１３５万円以下の未成年者や障がい者、生活保護を受けている人など、住民税を納める必要がない人もいます。納付期限が過ぎたのに住民税を納付していないと、督促状が届き延滞金が発生します。また、在留期間の更新申請などが許可されない場合もあるため、税金をきちんと納めることが重要です。

Thuế thị dân là gì?

Thuế thị dân là một loại thuế địa phương đóng cho nơi mình sinh sống. Nơi mình sinh sống có nghĩa là “tại thời điểm ngày 1 tháng 1 đã đăng ký địa chỉ sinh sống tại quận huyện thị đó”. Vì thuế thị dân cần đóng năm nay được tính dựa trên thu nhập năm trước nên năm trước có thu nhập và ngày 1 tháng 1 đăng ký địa chỉ sinh sống thì bất kể là quốc tịch nào cũng có nghĩa vụ đóng thuế. Tuy nhiên, đối với người nhận trợ cấp sinh hoạt và người khuyết tật hay người vị thành niên nếu thu nhập năm trước dưới 135 vạn yên thì cũng có người không cần đóng thuế thị dân. Nếu không đóng thuế đúng kỳ hạn thì có thể phát sinh tiền quá hạn theo giấy báo đốc thúc (giấy tokusoku) đóng thuế. Hơn nữa, cũng có thể là nguyên nhân không được gia hạn lưu trú, vì vậy việc đóng thuế rất quan trọng.

税金はどんなことに使われている？

税金を納めることだけでなく、納めた税金がどのように使われているのかを知ることも大切です。住民税に限らず税金は様々なことに使われています。例えば、私たちが毎日使う水や道路などの生活基盤の整備、ゴミの収集や処理、消防・警察・医療・教育など公的サービスに安心安全な社会を維持するために使われています。自治体によって使い道は少しずつ異なるため、ぜひ皆さんの住んでいる自治体が何のために税金を使っているか調べてみてください。

Tiền thuế được dùng vào những việc nào?

Không chỉ việc nộp thuế mà việc biết thuế đóng được dùng như thế nào cũng rất quan trọng. Không chỉ giới hạn ở thuế thị dân mà thuế được sử dụng trong nhiều việc. Thuế được sử dụng trong việc duy trì xã hội an sinh an toàn như đầu tư cơ sở hạ tầng trong đời sống, như sử dụng nước và đường đi là những thứ chúng ta dùng hàng ngày, hoặc như những dịch vụ công như xử lý thu gom rác, phòng cháy, cảnh sát, bệnh viện và giáo dục. Do việc sử dụng thuế có thể khác giữa các địa phương nên các bạn hãy tìm hiểu khu vực mình sinh sống thuế được dùng vào việc gì nhé.

住民税をいつ・どこで支払う？

住民税を支払うには2つの方法があります。1つ目は会社が代わりに納付する方法です。会社は毎月従業員の給料から税金分を引いて自治体に支払います。従業員は、税金が引かれた後の「手取り額」を給料として受け取ります。会社で働く場合はこの方法が原則です。2つ目は自分で納付する方法です。毎年市区町村から住民税の納付書が届き、納付書に書かれた金額を金融機関などで支払います。また、会社を退職し母国に戻るときは、支払っていない住民税の全部を最後の給料や退職金から引いて納付する方法が一般的です。住民税の納め忘れがないように注意しましょう。

Thuế thị dân đóng ở đâu và khi nào?

Thuế thị dân có hai cách đóng. Cách thứ nhất là công ty đứng ra đóng. Công ty hàng tháng trừ thuế trong tiền lương của công nhân viên để đóng thuế cho địa phương. Công nhân viên được “tiền lương thực nhận” là khoản sau khi đã trừ thuế. Nếu làm việc ở công ty thì theo nguyên tắc là thực hiện theo phương pháp này. Phương pháp thứ hai là tự đóng thuế. Hàng năm, cơ quan quận huyện thị nơi bạn ở sẽ gửi cho bạn phiếu thu thuế thị dân, và bạn sẽ đi đóng thuế tại ngân hàng theo số tiền ghi trong hoá đơn thuế. Hơn nữa, khi nghỉ việc trở về quê hương, thông thường với toàn bộ tiền thuế thị dân chưa đóng sẽ trừ đi trong tiền lương tháng cuối hoặc tiền nhận khi nghỉ việc. Các bạn chú ý không quên việc đóng thuế thị dân nhé.

給与明細をじっくり見てみよう

皆さんは、毎月会社が発行する給与明細をしっかり見ていますか？今月の給与明細をもらったら「手取り額」だけを見るのではなく、どのような税金が引かれているかを見てみましょう。今回紹介した住民税の他にも皆さんが支払っている税金があります。「税金が高い」と思う人もいるかもしれませんが、誰もが平等に公的サービスを受けられる社会にするためには税金が必要です。日本に住む一員として、税金を納める意識を持ちましょう。

Hãy nhìn kỹ bảng chi tiết lương

Các bạn có nhìn kỹ bảng chi tiết lương hàng tháng công ty đưa cho mình không? Với bảng lương chi tiết tháng này, các bạn hãy nhìn không chỉ là số tiền “lương thực nhận” mà hãy nhìn thuế được trừ đi như thế nào nhé. Ngoài thuế thị dân giới thiệu với các bạn lần này thì các bạn cũng đóng cả những thuế khác nữa. Cũng có thể có người nghĩ “thuế cao” nhưng để có được một xã hội mà ai cũng bình đẳng được sử dụng dịch vụ công cộng thì thuế rất cần thiết. Là một người sinh sống tại Nhật, chúng ta hãy có ý thức trách nhiệm đóng thuế nhé các bạn.

何よりも安全最優先

Hơn bất cứ điều gì　AN TOÀN ưu tiên hàng đầu!

～知らないと危険！～ 危険を避けるための口語と標識

~Không biết sẽ rất nguy hiểm!~

Khẩu ngữ và biển báo để tránh nguy hiểm

今月は、危険を避けるために必要な口語や標識を、テスト形式で勉強しましょう。

Tháng này qua hình thức bài kiểm tra chúng ta cùng học về khẩu ngữ và biển báo cần thiết tránh nguy hiểm nhé.

テスト　Bài kiểm tra

１．次の言葉を漢字で書いて、意味を説明してください（　／６）Hãy viết chữ Hán của những từ sau và giải thích rõ ý nghĩa

きけん　　漢字：　　意味：

きんし　　漢字：　　意味：

ちゅうい　　漢字：　　意味：

２．次の現場の言葉を丁寧な日本語で書いてください（　／１２）

Hãy ghi tiếng Nhật thể lịch sự của những từ ngữ dùng tại công trường dưới đây

あぶねえ！	やめろ！／ストップ！
するな！／すんな！	しろ！／やれ！
どけ！	くるな！／くんな！
とまれ！／ストップ！	はいるな！／はいんな！
さわるな！／さわんな！	いそげ！
とれ！	だめ！

注）上記は丁寧な日本語ではないので、実習生の皆さんは使用しないでください

Chú ý: Những từ ghi trên không phải là tiếng Nhật lịch sự do đó các bạn không dùng nhé.

3. 次の標識を見たらあなたはどうしますか？（　／6）Khi thấy biển báo sau bạn sẽ làm gì?

答え　Đáp án

1. 次の言葉を漢字で書いて、意味を説明してください（　／6）Hãy viết chữ Hán của những từ sau và giải thích rõ ý nghĩa

きけん	漢字：	危険	意味：	あぶない こと	Việc nguy hiểm
きんし	漢字：	禁止	意味：	してはいけない こと	Việc cấm làm
ちゅうい	漢字：	注意	意味：	きをつける こと	Việc cần chú ý

2. 次の現場の言葉を丁寧な日本語で書いてください（　／12）

Hãy ghi tiếng Nhật thể lịch sự của những từ ngữ dùng tại công trường dưới đây

あぶねえ！　あぶない です【Nguy hiểm】

やめろ！／ストップ！　　やめて ください【Hãy dừng lại】

するな！／すんな！　しないで ください【Không làm】

しろ！／やれ！　して ください【Hãy làm】

どけ！　どいて ください【Hãy tránh ra】

くるな！／くんな！　こないで ください【Không được đến】

とまれ！／ストップ！　とまって ください【Dừng lại】

はいるな！／はいんな！　はいらないで ください【Không đi vào】

さわるな！／さわんな！　さわらないで ください【Không sờ】

いそげ！　いそいで ください【Hãy nhanh lên】

とれ！　とって ください【Hãy lấy lại đây】

だめ！　してはいけません／よくないです【Không được làm / Không tốt】

注）上記は丁寧な日本語ではないので、実習生の皆さんは使用しないでください

Chú ý: Những từ ghi trên không phải là tiếng Nhật lịch sự do đó các bạn không dùng nhé.

3．次の標識を見たらあなたはどうしますか？（　／6）Khi thấy biển báo sau bạn sẽ làm gì?

注意します　　Chú ý

たばこを吸いません　　Không hút thuốc

入りません　　Không vào

整理整頓します Sắp xếp gọn gàng

上に注意します Chú ý trên đầu

安全を一番に考えます　Suy nghĩ an toàn là số 1

実習生の皆さんへ　Gửi các bạn TTS thân mến

自分の身を危険から守るために、まず、これらの言葉や標識を完璧に覚えてください！

Để bảo vệ bản thân khỏi nguy hiểm trước hết các bạn hãy ghi nhớ những từ ngữ và biển báo trên nhé !